

Số: 32./QĐ-LĐT BXH

Biên Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 100/TB-TCKH ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Biên Hòa về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán tài vụ phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố,

## QUYẾT ĐỊNH :

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán tài vụ và các bộ phận chuyên môn trực thuộc Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố thực hiện quyết định này. *Tr*

#### Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch TP;
- Phòng văn hóa thông tin TP;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu: VT; KTTV.



Nguyễn Kim Bích Huyền

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính  
 Đơn vị: Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội TP Biên Hòa

**QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ- LĐT BXH ngày 08/ 7 /2021 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Tp Biên Hòa)  
 (Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp trên và dự toán ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số báo cáo quyết toán	Tổng số được duyệt quyết toán	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>I</b>	<b>Quyết toán Thu</b>				
<b>A</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>198.133.558.567</b>	<b>198.133.558.567</b>		
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>196.483.146.104</b>	<b>196.483.146.104</b>		
1.1	Chi sự nghiệp đào tạo	40.500.000	40.500.000		
1.2	Kinh phí miễn giảm học phí theo NĐ 86	3.200.000.000	3.200.000.000		
1.3	Kinh phí miễn giảm học phí theo NĐ 86 đình	13.687.000.000	13.687.000.000		
1.4	Kinh phí hoạt động Ban VSTBPN	81.000.000	81.000.000		
1.5	Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	190.692.000	190.692.000		
1.6	Kinh phí đảm bảo xã hội	140.530.065.000	140.530.065.000		
1.7	Kinh phí hỗ trợ dịch Covid-19	38.753.889.104	38.753.889.104		
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>1.650.412.463</b>	<b>1.650.412.463</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.650.412.463	1.650.412.463		
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>182.896.638.682</b>	<b>182.891.013.682</b>	<b>5.625.000</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>181.332.740.197</b>	<b>181.327.115.197</b>	<b>5.625.000</b>	
1.1	Chi sự nghiệp đào tạo	40.427.998	40.427.998		
1.2	Kinh phí miễn giảm học phí theo NĐ 86	3.081.570.000	3.075.945.000	5.625.000	
1.3	Kinh phí miễn giảm học phí theo NĐ 86 đình	12.763.647.000	12.763.647.000		
1.4	Kinh phí hoạt động Ban VSTBPN	57.000.000	57.000.000		
1.5	Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	176.844.000	176.844.000		
1.6	Kinh phí đảm bảo xã hội	127.259.369.511	127.259.369.511		
1.7	Kinh phí hỗ trợ dịch Covid-19	37.953.881.688	37.953.881.688		
<b>2</b>	<b>Kinh phí thực hiện tự chủ</b>	<b>1.563.898.485</b>	<b>1.563.898.485</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.563.898.485	1.563.898.485		